

Bản án số: 11/2021/HSST
Ngày 19-01-2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Kiệt

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Tấn Đầu

2. Ông Đinh Quang Tuyển

- Th ký phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Chí, Th ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Vinh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ L số: 102/2020/HSST ngày 22 tháng 9 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2020/QĐXXST-HS, ngày 03 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/HSST-QĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020, đối với bị cáo:

- Cát Tiên S, sinh ngày 02 tháng 02 năm 1989; tại: Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn Đoàn Giáp, xã Đường Lâm, thị xã Sơn Tây, Thành phố HN; Chỗ ở hiện nay: Ấp CTT, xã CD, Tp.PQ, tỉnh KG; Nghề nghiệp: Lao động tự do ; Trình độ văn hóa : 9/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Cát Văn Th và bà Phạm Thị L; Vợ Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1991; Tiền sự; Tiền án: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay (có mặt).

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm:

1- Chị Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 1990. Vắng mặt lần thứ 2

2- Bà Dương Thị G, sinh năm 1963. Vắng mặt lần thứ 2

Cùng địa chỉ: Khu Phố 6, P.DĐ, Tp.PQ, tỉnh KG

3- Chị Võ Thị Mỹ H, sinh năm 1991. Có đơn xin vắng mặt

Địa chỉ: Số 40, đường Mạc Thiên Tích, kp 5, phường DĐ, thành phố PQ, tỉnh KG

4- Chị Nguyễn Thanh Thảo L, sinh năm 1992. Có đơn xin vắng mặt

Cư trú: B26, đường Ngô Tất Tố, Phường VQ, thành phố RG, tỉnh KG

Tạm trú: Ấp BT, xã CD, thành phố PQ, tỉnh KG

5- Nguyễn Phương H, sinh năm 1986. Vắng mặt lần thứ 2

Địa chỉ: Tổ 10, Khu Phố VH, phường N H, thành phố N T, tỉnh KH

Tạm trú: Ấp C L, xã D T, Tp.PQ, tỉnh KG

6- Chị Hồ Thị Mỹ T, sinh năm 1986. Có đơn xin vắng mặt

Địa chỉ: Kp 7, phường DĐ, Tp.PQ, tỉnh KG

7- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961. Vắng mặt lần thứ 2

Địa chỉ: Khu Phố 5, phường DĐ, Tp.PQ, tỉnh KG

8- Chị Trần Kim L, sinh năm 1990. Vắng mặt lần thứ 2

Địa chỉ: Ấp R H, xã H N, Tp.PQ, tỉnh KG

9- Chị Lê Thị L, sinh năm 1991. Vắng mặt lần thứ 2

Cư trú: Ấp T Th, xã M T, thành phố L X, tỉnh AG

Tạm trú: Ấp S Đ, xã D T, thành phố PQ, tỉnh KG.

10- Anh Trịnh Văn Th, sinh năm 1991. Vắng mặt lần thứ 2

Địa chỉ: Tổ 12, kp 9, phường DĐ, Tp.PQ, tỉnh KG

11- Anh Lâm Hồng H, sinh năm 1971. Có đơn xin vắng mặt

Địa chỉ: Khu Phố 10, phường DĐ, Tp.PQ, tỉnh KG

12- Anh Lý Thành S, sinh năm 1991. Vắng mặt lần thứ 2

Cư trú: Số 91/7/7 Nguyễn Trung Trực, phường V B, thành Phố RG, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và D biên tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu tháng 9/2019, không có đăng ký hoạt động kinh doanh, nhưng Cát Tiến S sử dụng nhà thuê tại ấp CTT, xã CD, huyện PQ, để hoạt động cho vay lãi nặng. S thuê Phan Anh T (không rõ nhân thân) cùng in nhiều tờ rơi, danh thiếp có ghi số điện thoại của S và một số thông tin vay tiền, mang dán trên các cột đèn, vách

tường và rải tờ rơi ở các khu dân cư thuộc khu vực thị trấn ĐĐ và xã CD để người nào có nhu cầu thì gọi điện cho S để vay tiền. Hình thức cho vay trả góp hằng ngày (từ 24 ngày đến 30 ngày tùy theo số tiền vay) mỗi ngày người vay trả góp cả tiền gốc và tiền lãi đến khi đủ số ngày đã thỏa thuận thì chấm dứt hợp đồng vay. Mức lãi suất từ 0,67% đến 0,83%/ngày, mỗi lượt vay tiền S thu của người vay phí dịch vụ 05% trên số tiền vay. Với hình thức trên, từ ngày 28/09/2019 đến ngày 19/03/2020, S cho vay lãi nặng được 51 người dân sống trên địa bàn huyện PQ, cụ thể như sau:

01. Nguyễn Thị Cẩm L vay 05 lần từ ngày 28/9/2019 đến ngày 24/02/2020, với tổng số tiền vay là 360.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 273.332.000 đồng, nợ tiền gốc 86.668.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu là 54.667.000 đồng. Trong đó, tiền lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 4.537.000 đồng, tiền lãi bất chính 50.130.000 đồng, tiền phí dịch vụ đã thu 17.500.000 đồng.

02. Dương Thị G vay 05 lần từ ngày 05/10/2019 đến ngày 22/02/2020, với tổng số tiền vay là 60.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 52.000.000 đồng nợ tiền gốc 8.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu là 10.400.000 đồng. Trong đó, tiền lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 996.000 đồng, tiền lãi bất chính 9.404.000 đồng, tiền phí dịch vụ đã thu 3.000.000 đồng.

03. L Thanh S vay 01 lần vào ngày 05/02/2020, với số tiền vay là 10.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 10.000.000 đồng. Số tiền lãi đã thu là 2.000.000 đồng. Trong đó, tiền lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 166.000 đồng, tiền lãi bất chính 1.834.000 đồng, tiền phí dịch vụ đã thu 500.000 đồng.

04. Võ Thị Mỹ H vay 02 lần từ ngày 10/10/2019 đến ngày 27/10/2019, với tổng số tiền vay 40.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 40.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu 8.000.000 đồng. Trong đó, tiền lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 664.000 đồng, tiền lãi bất chính 7.336.000 đồng, tiền phí dịch vụ đã thu 2.000.000 đồng.

05. Nguyễn Thanh Thảo L vay 09 lần từ ngày 17/10/2019 đến ngày 11/3/2020, tổng số tiền 57.500.000 đồng, đã trả tiền gốc 57.500.000 đồng. Tổng số tiền lãi S đã thu 10.667.000 đồng, trong đó, lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 954.500 đồng, tiền lãi bất chính 9.712.500 đồng, tiền phí dịch vụ đã thu 2.875.000 đồng.

06. Nguyễn Phương H vay 02 lần từ ngày 17/10/2019 đến ngày 09/3/2020, với tổng số tiền 15.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 7.331.000 đồng, nợ tiền gốc 7.669.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu 1.467.000 đồng, lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 249.000 đồng, lãi bất chính là 1.218.000 đồng, tiền phí dịch vụ đã thu là 725.000 đồng.

07. Hồ Thị Mỹ T vay 08 lần từ ngày 21/10/2019 đến ngày 14/3/2020, với tổng số tiền vay là 70.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 60.999.000 đồng, nợ tiền gốc 9.001.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu là 15.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 1.245.000 đồng tiền lãi bất chính 13.755.000 đồng, phí dịch vụ đã thu 3.500.000 đồng.

08. Nguyễn Thị H vay 05 lần từ ngày 16/10/2019 đến ngày 24/02/2020, Tổng số tiền vay là 45.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 42.089.000 đồng, nợ tiền gốc 2.911.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu là 8.417.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 747.000 đồng, tiền lãi bất chính 7.670.000 đồng, tiền phí dịch vụ đã thu 2.250.000 đồng.

09. Lâm Hồng H, vay 01 lần vào ngày 10/02/2020, với số tiền vay 5.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 5.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu là 1.000.000 đồng, trong đó, lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 83.000 đồng, lãi bất chính 917.000 đồng, tiền phí dịch vụ 250.000 đồng.

10. Lê Thị L vay 01 lần ngày 13/3/2020, với số tiền và là 5.000.000 đồng, đã trả tiền gốc là 834.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 4.166.000 đồng. Số tiền lãi đã thu là 167.000 đồng, trong đó, lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 66.240 đồng, lãi bất chính 100.000 đồng. Phí dịch vụ đã thu 250.000 đồng.

11. Trần Kim L vay 01 lần ngày 15/3/2020, với số tiền vay là 15.000.000 đồng, đã trả tiền gốc là 1.250.000 đồng, nợ tiền gốc 13.750.000 đồng. Số tiền lãi đã góp 250.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 8.300 đồng, tiền lãi bất chính 241.700 đồng, phí dịch vụ đã thu 750.000 đồng.

12. Trịnh Văn Th vay 01 lần ngày 15/03/2020, với số tiền vay là 15.000.000 đồng, đã trả tiền gốc là 1.500.000 đồng, nợ tiền gốc 13.500.000 đồng. Số tiền lãi đã thu là 300.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 8.300 đồng, tiền lãi bất chính 291.700 đồng, phí dịch vụ đã thu 750.000 đồng.

13. Trần Ngọc Gi vay 02 lần từ ngày 01/10/2019 đến ngày 05/12/2019, với tổng số tiền vay là 15.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 15.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu là 3.000.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 249.000 đồng, tiền lãi bất chính 2.751.000 đồng, tiền phí dịch vụ đã thu 750.000 đồng.

14. Phan Chí C vay 02 lần từ ngày 04/10/2019 đến ngày 11/02/2020, với tổng số tiền vay 10.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 10.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu là 2.000.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 166.000 đồng, tiền lãi bất chính 1.834.000 đồng, tiền phí dịch vụ đã thu 500.000 đồng.

15. Lý Ánh S vay 03 lần từ ngày 07/10/2019 đến ngày 27/02/2020, với tổng số tiền vay 30.000.000 đồng đã trả tiền gốc 27.659.000 đồng, nợ tiền gốc 2.341.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu 5.533.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 498.000 đồng, tiền lãi bất chính 5.035.000 đồng, tiền phí dịch vụ đã thu 1.500.000 đồng.

16. Quách Thị Tuyết M vay 08 lần từ ngày 07/10/2019 đến ngày 29/12/2019, với tổng số tiền vay 170.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 152.000.000 đồng, nợ tiền gốc 18.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu là 30.400.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 2.822.000 đồng, tiền lãi bất chính 27.578.000 đồng, phí dịch vụ đã thu 8.500.000 đồng.

17. Trần Thị Th vay 01 lần ngày 09/10/2019, với số tiền 20.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 6.667.000 đồng, nợ tiền gốc 13.333.000 đồng. Tiền lãi đã thu là 1.333.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 110.000 đồng, tiền lãi bất chính 1.223.000 đồng, phí dịch vụ đã thu 1.000.000 đồng.

18. Phạm Thị Mỹ Phvay 01 lần ngày 10/10/2019, với số tiền vay 15.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 13.500.000 đồng, nợ tiền gốc 1.500.000 đồng. Tổng tiền lãi đã thu là 2.700.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 224.000 đồng, tiền lãi bất chính 2.700.000 đồng, phí dịch vụ đã 750.000 đồng.

19. Huỳnh Thị S vay 01 lần ngày 10/10/2019, với số tiền vay 50.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 23.334.000 đồng, nợ tiền gốc 26.666.000 đồng. Tiền lãi đã thu là 4.667.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 387.000 đồng, tiền lãi bất chính 4.280.000 đồng, tiền phí dịch vụ 2.000.000 đồng.

20. Đặng Hoàng Gi vay 06 lần từ ngày 11/10/2019 đến ngày 09/03/2020, với tổng số tiền vay 115.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 115.000.000 đồng. Tổng tiền lãi đã thu là 23.000.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 1.892.000 đồng, tiền lãi bất chính 21.108.000 đồng, phí dịch vụ 5.750.000 đồng.

21. Nguyễn Ngọc L vay 01 lần ngày 12/10/2019, với số tiền vay 10.000.000 đồng đã trả tiền gốc 10.000.000 đồng. Tổng tiền lãi đã thu là 2.000.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 498.000 đồng, lãi bất chính 1.502.000 đồng, phí dịch vụ đã thu 500.000 đồng.

22. Trần Văn T vay 01 lần ngày 14/10/2019, với số tiền vay 10.000.000 đồng đã trả tiền gốc 10.000.000 đồng, tổng tiền lãi đã thu là 2.000.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 166.000 đồng, tiền lãi bất chính 1.834.000 đồng, phí dịch vụ đã thu 500.000 đồng.

23. Lê Thị Xuân H vay 05 lần từ ngày 15/10/2019 đến ngày 03/02/2020, với tổng số tiền vay 50.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 50.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu là 10.000.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 830.000 đồng, tiền lãi bất chính 9.170.000 đồng, phí dịch vụ đã thu 2.500.000 đồng.

24. Dương Thị Nh vay 01 lần ngày 17/10/2019, với số tiền vay 10.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 10.000.000 đồng. Tiền số tiền lãi đã thu là 2.000.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 166.000 đồng, tiền lãi bất chính 1.834.000 đồng, phí dịch vụ đã thu 500.000 đồng.

25. Hà Đăng Kh, vay 01 lần ngày 18/10/2019, với số tiền vay 10.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 10.000.000 đồng. Tiền lãi đã thu là 2.000.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 166.000 đồng, tiền lãi bất chính 1.834.000 đồng, phí dịch vụ đã thu 500.000 đồng.

26. Bùi Thị H vay 01 lần ngày 18/10/2019, với số tiền vay 2.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 2.000.000 đồng. Tiền lãi đã thu là 400.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 33.200 đồng, tiền lãi bất chính 1.966.800 đồng, phí dịch vụ đã thu 100.000 đồng.

27. Nguyễn Thị Thanh Nh vay 01 lần ngày 18/10/2019, với số tiền vay 20.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 20.000.000 đồng. Tiền lãi đã thu là 4.000.000 đồng,

trong đó, tiền lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 332.000 đồng, tiền lãi bất chính 3.668.000 đồng, phí dịch vụ đã thu 1.000.000 đồng.

28. Trương Thoại Ng vay 06 lần từ ngày 19/10/2019 đến ngày 21/02/2020, với tổng số tiền vay 60.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 52.997.000 đồng, nợ tiền gốc là 7.003.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu là 10.600.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 996.000 đồng, tiền lãi bất chính 9.604.000 đồng, tiền phí dịch vụ đã thu 3.000.000 đồng.

29. Âu Thị Mỹ D vay 06 lần từ ngày 20/10/2019 đến ngày 13/3/2020, với tổng số tiền vay 36.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 30.960.000 đồng, nợ tiền gốc là 5.040.000 đồng. Tổng tiền lãi đã thu là 7.740.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 498.000 đồng, lãi bất chính 7.242.000 đồng, tiền phí dịch vụ đã thu 1.800.000 đồng.

30. Ngô Kim L, vay 01 lần ngày 21/10/2019, với số tiền vay 15.000.000 đồng đã trả tiền gốc 15.000.000 đồng. Tiền lãi đã thu là 3.000.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 249.000 đồng, lãi bất chính 2.751.000 đồng, tiền phí dịch vụ đã thu 750.000 đồng.

31. Nguyễn H D vay 02 lần từ ngày 21/10/2019 đến ngày 05/02/2020, với tổng số tiền vay 10.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 7.000.000 đồng, nợ tiền gốc 3.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu là 1.400.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 132.000 đồng, tiền lãi bất chính là 1.268.000 đồng, tiền phí dịch vụ đã thu 750.000 đồng.

32. Ngô Kim Th vay 02 lần từ ngày 19/10/2019 đến ngày 06/11/2019, với tổng số tiền vay 20.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 20.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu là 4.000.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 332.000 đồng, tiền lãi bất chính 3.668.000 đồng, tiền phí dịch vụ đã thu 582.000 đồng.

33. Lê Đông Ph vay 01 lần ngày 22/10/2019, với số tiền vay 5.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 5.000.000 đồng. Tiền lãi đã thu là 1.000.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 66.000 đồng, tiền lãi bất chính 934.000 đồng, tiền phí dịch vụ đã thu 250.000 đồng.

34. Quách Thị Tuyết Nh vay 03 lần từ ngày 23/10/2019 đến ngày 26/11/2019, với tổng số tiền vay 60.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 57.326.000 đồng, nợ tiền gốc

2.674.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu là 11.467.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 996.000 đồng, tiền lãi bất chính 10.471.000 đồng, tiền phí dịch vụ đã thu 3.000.000 đồng.

35. Lê Thúy Th vay 01 lần ngày 04/11/2019, với số tiền vay 20.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 20.000.000 đồng. Tiền lãi đã thu là 4.000.000 đồng, trong đó, tiền lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 332.000 đồng, tiền lãi bất chính 3.668.000 đồng, tiền phí dịch vụ đã thu 1.000.000 đồng.

36. Phạm Thị Trúc Tr vay 02 lần từ ngày 19/02/2020 đến ngày 14/3/2020, với tổng số tiền vay 15.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 14.250.000 đồng, nợ tiền gốc 750.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu là 1.650.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 136.950 đồng, tiền lãi bất chính là 1.523.050 đồng, phí dịch vụ đã thu là 750.000 đồng.

37. Nguyễn Thị Cẩm Ng vay 01 lần ngày 27/02/2020, với số tiền vay 5.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 3.000.000 đồng, nợ tiền gốc 2.000.000 đồng. Tiền lãi đã thu là 600.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 49.788 đồng, lãi bất chính 550.212 đồng, tiền phí dịch vụ đã thu 250.000 đồng.

38. Lê Văn Th vay 03 lần từ ngày 29/02/2020 đến ngày 13/3/2020, với tổng số tiền vay 40.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 31.251.000 đồng, nợ tiền gốc 8.749.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu là 2.910.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 529.000 đồng, tiền lãi bất chính 2.386.000 đồng, tiền phí dịch vụ đã thu 2.000.000 đồng.

39. Người tên Tr vay 01 lần ngày 04/10/2019, với số tiền vay 5.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 5.000.000 đồng. Tiền lãi đã thu là 1.000.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 66.000 đồng, tiền lãi bất chính 934.000 đồng, tiền phí dịch vụ đã thu 250.000 đồng.

40. Người tên Th vay 01 lần ngày 09/10/2019, với số tiền vay 10.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 10.000.000 đồng. Tiền lãi đã thu là 2.000.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 166.000 đồng, tiền lãi bất chính 1.834.000 đồng, tiền phí dịch vụ đã thu 500.000 đồng.

41. Người tên H vay 02 lần từ ngày 14/10/2019 đến ngày 17/10/2019, với tổng số tiền vay 7.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 7.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu là

1.400.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 92.500 đồng, lãi bất chính 1.307.000 đồng, tiền phí dịch vụ đã thu là 350.000 đồng.

42. Người tên H, (Thịt Heo) vay 03 lần từ ngày 16/10/2019 đến ngày 16/11/2019, với tổng số tiền vay 30.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 30.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi S đã thu là 6.000.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 498.000 đồng, tiền lãi bất chính 5.502.000 đồng, tiền phí dịch vụ đã thu 1.500.000 đồng.

43. Người tên Tr, vay 02 lần từ ngày 17/10/2019 đến ngày 06/11/2019, với tổng số tiền vay 15.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 15.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu là 3.000.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 249.000 đồng, tiền lãi bất chính là 2.751.000 đồng, tiền phí dịch vụ đã thu là 750.000 đồng.

44. Người tên C vay 01 lần ngày 21/10/2019, với số tiền vay 15.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 15.000.000 đồng. Tiền lãi đã thu là 3.000.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 249.000 đồng, tiền lãi bất chính là 2.751.000 đồng, tiền phí đã thu là 750.000 đồng.

45. Người tên Tr vay 01 lần ngày 12/10/2019, với số tiền vay 2.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 2.000.000 đồng. Tiền lãi đã thu là 400.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 33.200 đồng, tiền lãi bất chính 366.800 đồng, tiền phí dịch vụ đã thu 100.000 đồng.

46. Người tên D vay 01 lần ngày 03/11/2019, với số tiền vay 5.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 5.000.000 đồng. Tiền lãi đã thu là 1.000.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 83.000 đồng, tiền lãi bất chính 917.000 đồng, tiền phí dịch vụ đã thu 250.000 đồng.

47. Người tên H vay 03 lần từ ngày 21/01/2020 đến ngày 15/3/2020, với tổng số tiền vay là 45.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 30.900.000 đồng, nợ tiền gốc 14.100.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu là 6.200.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là đã thu là 514.600 đồng, tiền lãi bất chính là 5.685.400 đồng, tiền phí dịch vụ đã thu là 2.250.000 đồng.

48. Người tên Nh vay 02 lần từ ngày 27/02/2020 đến ngày 04/3/2020, với tổng số tiền vay là 15.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 10.421.000 đồng, nợ tiền gốc 4.579.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu là 1.875.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp

theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 199.200 đồng, tiền lãi bất chính 1.675.800 đồng, tiền phí dịch vụ đã thu 750.000 đồng.

49. Người tên Tr vay 01 lần ngày 27/02/2020, với số tiền vay 5.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 3.959.000 đồng, nợ tiền gốc 1.041.000 đồng. Tiền lãi đã thu là 792.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 66.384 đồng, tiền lãi bất chính 792.000 đồng, tiền phí đã thu 250.000 đồng.

50. Người tên L vay 01 lần ngày 28/02/2020, với số tiền vay 10.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 6.000.000 đồng, nợ tiền gốc 4.000.000 đồng. Tiền lãi đã thu là 1.200.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 166.000 đồng, tiền lãi bất chính là 1.034.000 đồng, phí dịch vụ đã thu 500.000 đồng.

51. Người tên T vay 01 lần ngày 02/03/2020, với số tiền vay 10.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 5.838.000 đồng, nợ tiền gốc 4.162.000 đồng, tiền lãi đã thu là 1.166.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 132.792 đồng, tiền lãi bất chính là 1.027.208 đồng, phí dịch vụ đã thu 500.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà Cát Tiến S cho 51 người vay là 1.694.000.000 đồng, tiền lãi đã thu là 286.740.000 đồng. Trong đó: Tiền thu lãi hợp pháp là 25.170.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 261.570.000 đồng, tiền phí dịch vụ đã thu là 80.950.000 đồng.

*** *Tang vật thu giữ:***

- 01 Giấy chứng minh nhân dân số 371336572, mang tên Trần Thị Ý Ph.

- 01 giấy chứng minh nhân dân số 352146850, mang tên Lê Thị L.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia, model” TA – 1030, màu đen.

(Tài sản trên đã trả lại cho chủ sở hữu).

- Tiền Việt Nam 20.000.000 đồng.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A6+, kiểu máy SM- A605GIDS, số seri: R58K6216GYF, màu đen, đã qua sử dụng.

- 01 cuốn sổ có nội dung theo dõi khách hàng cho vay tiền, bìa màu xanh, gồm 101 Tr, được đánh số thứ tự từ 01 đến 101.(Đã đưa vào hồ sơ vụ án).

- 30 tờ rơi có nội dung cho vay tiền.

- 150 danh thiếp có nội dung cho vay tiền.

Bản cáo trạng số 118/CT-VKSPQ, ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện PQ (nay là Viện kiểm sát nhân dân thành phố PQ) đã truy tố các

bị cáo Cát Tiến S về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Đối với hành vi của Phan Anh T do không rõ nhân thân, lai lịch khi nào Cơ quan C an triệu tập, làm việc được sẽ xử lý sau.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền C tổ kết luận hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 201; Điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Cát Tiến S từ 9 đến 12 tháng tù.

*** Về vật chứng vụ án:** Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên:

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: Tiền Việt Nam 20.000.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A6+, kiểu máy SM- A605GIDS, số seri: R58K6216GYF, màu đen, đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy: 30 tờ rơi có nội dung cho vay tiền; 150 danh thiếp có nội dung cho vay tiền.

*** Về biện pháp tư pháp:** Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên:

- Buộc Cát Tiến S giao nộp số tiền tịch thu nộp ngân sách Nhà nước gồm: tiền cho vay đã thu 1.420.293.000 đồng; Tiền thu lãi hợp pháp là 25.170.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 261.570.000 đồng, tiền phí dịch vụ đã thu là 80.950.000 đồng.

- Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giao nộp số tiền gốc vay chưa trả tịch thu nộp ngân sách Nhà nước gồm: Nguyễn Thị Cẩm L số tiền 86.668.000 đồng; Dương Thị G số tiền 8.000.000 đồng; Nguyễn Phương H số tiền 7.669.000 đồng; Hồ Thị Mỹ T số tiền 9.000.000 đồng; Nguyễn Thị H số tiền 2.911.000 đồng; Lê Thị L số tiền 4.166.000 đồng Trần Kim L số tiền 13.750.000 đồng; Trịnh Văn Th số tiền 13.500.000 đồng;

- Buộc Cát Tiến S trả lại số tiền thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Nguyễn Thị Cẩm L là 50.130.000 đồng; Dương Thị G là 9.404.000 đồng; L Thanh S là 1.834.000 đồng; Võ Thị Mỹ H là 7.336.000 đồng; Nguyễn Thanh Thảo L là 9.712.000 đồng; Nguyễn Phương H là 1.218.000 đồng; Hồ Thị Mỹ T là 13.755.000 đồng; Nguyễn Thị H là 7.676.000 đồng; Lâm Hồng H là

917.000 đồng; Lê Thị L là 100.000 đồng; Trần Kim L là 241.000 đồng; Trịnh Văn Th là 291.000 đồng;

- Buộc Cát Tiến S giao nộp số tiền thu lợi bất chính của những người vay đã bỏ địa phương đi đâu không rõ số tiền 158.956.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

- Buộc Cát Tiến S trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền phí dịch vụ đã thu, gồm: Nguyễn Thị Cẩm L là 17.500.000 đồng; Dương Thị G là 3.000.000 đồng; L Thanh S là 500.000 đồng; Võ Thị Mỹ H là 1.000.000 đồng; Nguyễn Thị Thảo L là 2.875.000 đồng; Nguyễn Phương H là 725.000 đồng; Hồ Thị Mỹ T là 3.500.000 đồng; Nguyễn Thị H là 2.250.000 đồng; Lâm Hồng H là 250.000 đồng; Trần Kim L là 750.000 đồng; Lê Thị L là 250.000 đồng; Trịnh Văn Th là 750.000 đồng.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại do không rõ nhân thân, lai lịch khi quyền lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng thì có thể khởi kiện vụ án dân sự khác.

Tại phiên tòa bị cáo Cát Tiến S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng đã nêu, bị cáo không khai thêm tình tiết mới. Bị cáo xác định trong quá trình điều tra, truy tố không bị ép cung, bức cung hay nhục hình.

Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra C an thành phố PQ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố PQ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: Nguyễn Thị Mỹ H, Nguyễn Thanh Thảo L, Hồ Thị Mỹ T, Lâm Hồng H có đơn xin xét xử vắng mặt. Những người còn lại được Tòa tổng đạt hợp lệ thủ tục xét xử nhưng vắng mặt lần thứ 02 không rõ L do. Tuy nhiên, các đương sự đã có lời khai trong quá trình

điều tra, việc vắng mặt các đương sự không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Do đó, căn cứ vào Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng các đương sự là phù hợp.

[2]. Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai trong các giai đoạn điều tra tuy tố bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án cụ thể là quyển sổ bị cáo đã ghi chép để theo dõi khách hàng vay tiền, các bảng kê chi tiết theo lời trình bày của người vay tiền đều được bị cáo thừa nhận đã thể hiện rõ từ ngày 28-09-2019 đến ngày 10-3-2020, Cát Tiến S sử dụng Nhà thuê thuộc ấp CTT, xã C D, thành phố PQ để hoạt động cho vay lãi nặng được 51 người, số tiền cho vay là 1.694.500.000 đồng, tiền lãi đã thu là 286.740.000 đồng, lãi suất cho vay thấp nhất là 0,67%/ngày, cao nhất là 1%/ngày. Trong đó: Tiền thu lãi hợp pháp là 25.170.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 261.570.000 đồng, tiền phí dịch vụ đã thu là 80.950.000 đồng cao hơn so với mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Như vậy, Hành vi của bị cáo đã bị Viện kiểm sát nhân dân huyện PQ nay thành phố PQ truy tố về tội về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Hành vi của bị cáo Cát Tiến S không những đã xâm phạm đến chế độ quản L của Nhà nước về lĩnh vực tài chính, Ngân hàng mà hành vi của bị cáo còn mang tính chất bóc lột, làm cho người vay tiền lâm vào cảnh nợ điều đứng, gây hoang mang trong dư luận quần chúng nhân dân. Bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, đủ khả năng nhận thức pháp luật. Biết rõ hành vi cho vay nặng lãi là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo cho vay với mức lãi trung bình từ 0,67%/ngày đến 1%/ngày x 30 ngày (tháng) = 20,1% đến 30%/tháng, tương ứng với 241,2% đến 360%/năm (cao hơn gấp nhiều lần so với mức lãi suất do nhà nước quy định lãi suất không được vượt quá 20%/năm theo quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015). Với hoạt động cho vay lãi nặng này, nên trong thời gian ngắn bị cáo đã thu lợi bất chính với số tiền lớn là 286.740.000 đồng. Hành vi của bị cáo cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ phạm tội nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội đối với loại tội phạm này.

[4]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.
- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.
- Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc Tr hợp ít nghiêm trọng; gia đình của bị cáo đều là gia đình có C với cách mạng; nên HĐXX cần xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS là phù hợp.

[5]. Về hình phạt đối với bị cáo: Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, về mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo Cát Tiến S có phần nghiêm khắc, nên Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt nhẹ hơn mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội cũng đủ để răn đe cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội đối với loại tội phạm này.

[6]. Về vật chứng thu giữ: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: Tiền Việt Nam 20.000.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A6+, kiểu máy SM- A605GIDS, số seri: R58K6216GYF, màu đen, đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy: Tịch thu tiêu hủy: 30 tờ rơi có nội dung cho vay tiền; 150 danh thiếp có nội dung cho vay tiền.

[7]. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Buộc Cát Tiến S giao nộp lại số tiền dùng vào việc cho vay là 1.420.293.000 đồng, sung và C quỹ nhà nước. Khấu trừ vào số tiền 20.000.000 đồng đã thu giữ, nên bị cáo S còn pH nộp lại là 1.400.293.000 đồng.

- Buộc Cát Tiến S giao nộp lại số tiền lãi là 25.170.000 đồng và tiền phí dịch vụ đã thu là 80.950.000 đồng, nộp vào C quỹ nhà nước, do đây là tiền phát sinh từ tội phạm.

- Buộc Cát Tiến S trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền phí dịch vụ đã thu, gồm: Nguyễn Thị Cẩm L là 17.500.000 đồng; Dương Thị G là 3.000.000 đồng; Lý Thanh S là 500.000 đồng; Võ Thị Mỹ H là 1.000.000 đồng;

Nguyễn Thị Thảo L là 2.875.000 đồng; Nguyễn Phương H là 725.000 đồng; Hồ Thị Mỹ T là 3.500.000 đồng; Nguyễn Thị H là 2.250.000 đồng; Lâm Hồng H là 250.000 đồng; Trần Kim L là 750.000 đồng; Lê Thị L là 250.000 đồng; Trịnh Văn Th là 750.000 đồng.

- Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vay tiền của Cát Tiến S chưa trả tiền vay pH giao nộp lại tổng số tiền 145.664.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước, cụ thể: Nguyễn Thị Cẩm L số tiền 86.668.000 đồng; Dương Thị G số tiền 8.000.000 đồng; Nguyễn Phương H số tiền 7.669.000 đồng; Hồ Thị Mỹ T số tiền 9.000.000 đồng; Nguyễn Thị H số tiền 2.911.000 đồng; Lê Thị L số tiền 4.166.000 đồng; Trần Kim L số tiền 13.750.000 đồng; Trịnh Văn Th số tiền 13.500.000 đồng.

- Buộc Cát Tiến S giao nộp số tiền thu lợi bất chính của những người vay đã bỏ địa phương đi đâu không rõ số tiền 158.956.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

[8. Về án phí: Bị cáo pH nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 201; Điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo **Cát Tiến S** phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

2. Xử phạt: **Cát Tiến S 12** (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 năm.

- Giao bị cáo cho chính quyền địa phương là Ủy ban nhân dân xã Đ L, thị xã ST, Thành phố HN để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

- Trong thời gian thử thách, bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: Tiền Việt Nam 20.000.000đồng (*Hai mươi triệu đồng*); 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A6+, kiểu máy SM-A605GIDS, số seri: R58K6216GYF, màu đen, đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy: 30 tờ rơi có nội dung cho vay tiền; 150 danh thiếp có nội dung cho vay tiền.

Các tang vật trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố PQ đang quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng ngày số 78/QĐ-VKSPQ-HS ngày 18-9-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện PQ.

4. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Buộc Cát Tiến S giao nộp lại số tiền dùng vào việc cho vay là 1.400.293.000 đồng (*một tỷ, bốn trăm triệu, hai trăm chín mươi ba nghìn đồng*).

- Buộc Cát Tiến S giao nộp lại số tiền lãi là 25.170.000 đồng (*hai mươi lăm triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng*) và tiền phí dịch vụ đã thu là 80.950.000 đồng (*tám mươi triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*), nộp vào công quỹ nhà nước.

- Buộc những người vay tiền của Cát Tiến S chưa trả tiền vay pH giao nộp lại tổng số tiền 145.664.000đồng (*Một trăm bốn mươi lăm triệu, sáu trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*), nộp ngân sách Nhà nước, cụ thể:

+ Nguyễn Thị Cẩm L 86.668.000 đồng (*Tám mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng*);

+ Dương Thị G 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*);

+ Nguyễn Phương H 7.669.000 đồng (*Bảy triệu, sáu trăm sáu mươi chín nghìn đồng*);

+ Hồ Thị Mỹ T 9.000.000 đồng (*Chín triệu đồng*);

+ Nguyễn Thị H 2.911.000 đồng (*Hai triệu, chín trăm mười một nghìn đồng*);

+ Lê Thị L 4.166.000 đồng (*Bốn triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*);

+ Trần Kim L 13.750.000 đồng (*Mười ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng*);

+ Trịnh Văn Th 13.500.000 đồng (*Mười ba triệu, năm trăm nghìn đồng*);

- Buộc Cát Tiến S trả lại số tiền lãi thu lợi bất chính cho 12 người vay tiền, cụ thể:

+ Nguyễn Thị Cẩm L là 50.130.000 đồng (*năm mươi triệu một trăm ba mươi nghìn đồng*)

+ Dương Thị G là 9.404.000 đồng (*chín triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn đồng*)

- + Lý Thanh S là 1.834.000 đồng (*một triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn đồng*)
- + Võ Thị Mỹ H là 7.336.000 đồng (*bảy triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn đồng*)
- + Nguyễn Thanh Thảo L là 9.712.000 đồng (*chín triệu bảy trăm mười hai nghìn đồng*)
- + Nguyễn Phương H là 1.218.000 đồng (*một triệu hai trăm mười tám nghìn đồng*)
- + Hồ Thị Mỹ T là 13.755.000 đồng (*mười ba triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng*)
- + Nguyễn Thị H là 7.676.000 đồng (*bảy triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*)
- + Lâm Hồng H là 917.000 đồng (*chín trăm mười bảy nghìn đồng*)
- + Lê Thị L là 100.000 đồng (*một trăm nghìn đồng*)
- + Trần Kim L là 241.000 đồng (*hai trăm bốn mươi một nghìn đồng*)
- + Trịnh Văn Th là 291.000 đồng (*hai trăm chín mươi một nghìn đồng*)
- Buộc Cát Tiến S giao nộp số tiền thu lợi bất chính của những người vay đã bỏ địa phương đi đâu không rõ số tiền 158.956.000 đồng (*một trăm năm mươi tám triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn đồng*) để nộp ngân sách Nhà nước.
- Buộc Cát Tiến S trả lại cho 12 người tiền phí dịch vụ đã thu, gồm:
 - + Nguyễn Thị Cẩm L là 17.500.000 đồng (*mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng*)
 - + Dương Thị G là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*)
 - + Lý Thanh S là 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*)
 - + Võ Thị Mỹ H là 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*)
 - + Nguyễn Thị Thảo L là 2.875.000 đồng (*Hai triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*)
 - + Nguyễn Phương H là 725.000 đồng (*Bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng*)
 - + Hồ Thị Mỹ T là 3.500.000 đồng (*Ba triệu, năm trăm nghìn đồng*)
 - + Nguyễn Thị H là 2.250.000 đồng (*Hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*)
 - + Lâm Hồng H là 250.000 đồng (*Hai trăm năm mươi nghìn đồng*)
 - + Trần Kim L là 750.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*)
 - + Lê Thị L là 250.000 đồng (*hai trăm năm mươi nghìn đồng*)
 - + Trịnh Văn Th là 750.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*)

4. Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự Bị cáo Cát Tiến S phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người vắng mặt thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh KG.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố Phú Quốc;
- Chi cục THADS thành phố Phú Quốc;
- Bị cáo và người có QLNVLQ;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Văn Kiệt